

Luật số: .../2017/QH14

DỰ THẢO

Trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3

LUẬT

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.
2. *Chuỗi phân phối sản phẩm* là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh thực hiện và được hỗ trợ theo quy định của Luật này.

3. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* (sau đây gọi là *cơ sở kỹ thuật*) là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

4. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa* (sau đây gọi là *cơ sở ươm tạo*) là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

5. *Cụm liên kết ngành* là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh.

6. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ* là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên và đồng thời quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

7. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

8. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* (sau đây gọi là *khu làm việc chung*) là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm và cung cấp các tiện ích để hỗ trợ và liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

- a) Tổng nguồn vốn của năm trước liền kề không quá 100 tỷ đồng;
- b) Doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định trong từng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, không vi phạm điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

3. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng các điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của các tổ chức, cá nhân đó, không trái với quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm:

- a) Vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;
- b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật.
- d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa từ ngân sách nhà nước phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, mục tiêu, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

Chương II
NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
Mục 1
HỖ TRỢ CHUNG

Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ các tổ chức tín dụng tăng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập các tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được các cơ quan, tổ chức và cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp để nâng cao năng lực tiếp cận tín dụng.
4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại các Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 9. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổ chức tài chính hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.
2. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên tài sản bảo đảm, chứng từ có giá, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa không được từ chối bảo lãnh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện bảo lãnh; thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, kế toán

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp siêu nhỏ được thực hiện chế độ kế toán và các thủ tục hành chính thuế đơn giản.

Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Căn cứ điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến động vật, sản phẩm động vật, nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Căn cứ điều kiện ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và số tiền giảm giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc từ nguồn hỗ trợ của ngân sách địa phương.

4. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

Điều 12. Hỗ trợ công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện và làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 13. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư chuỗi phân phối sản phẩm; doanh nghiệp và tổ

chức đầu tư kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm để tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Cơ sở kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hiệp hội:

a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;

c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được miễn, giảm phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Bộ tư pháp, Sở tư pháp, Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam, các tổ chức tư vấn pháp luật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn hoặc giảm phí tham gia các khoá đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nhà nước đầu tư các chương trình đào tạo trực tuyến và đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Đối tượng hỗ trợ gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Nội dung hỗ trợ gồm:

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về chế độ kế toán và các thủ tục hành chính thuế trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu

trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp chủ hộ kinh doanh và chủ nợ có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp lần đầu.

Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Đối tượng hỗ trợ gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nêu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

2. Nội dung hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ, thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bao gồm các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau:

a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư.

b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình, không vi phạm pháp luật.

3. Căn cứ điều kiện ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tham gia cùng quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo để đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và phải thoái vốn đầu tư trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư.

4. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Đối tượng hỗ trợ gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nếu đáp ứng một hoặc các điều kiện sau đây:

a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;

b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

2. Nội dung hỗ trợ gồm:

a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 20. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổ chức tài chính nhà nước không vì mục tiêu lợi nhuận, do Chính phủ thành lập, thực hiện chức năng sau đây:

a) Cho vay, tài trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hàng năm, Chính phủ xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

3. Hướng dẫn việc kiện toàn hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Xây dựng và quản lý Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Tổ chức đầu mối xây dựng mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn về thủ tục thuế, kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

3. Công bố thông tin việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;

c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

d) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực thuộc thẩm quyền quản lý để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ các tổ chức tín dụng tăng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 25. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quy định tại Điều 11, khoản 2 Điều 18 của Luật này;
- b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- c) Giám sát việc chấp hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

b) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Giao đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương;

d) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Căn cứ điều kiện ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

Điều 26. Trách nhiệm của các hiệp hội ngành nghề

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai cơ chế, chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của hiệp hội ngành nghề.

4. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.

2. Cung cấp các tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với Nhà nước đầu tư thành lập, quản lý và vận hành đơn vị thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở trung ương và địa phương theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin về doanh nghiệp chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết đối với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 29. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn kinh phí thực hiện, kết quả thực hiện và các thông tin khác có liên quan.

2. Việc công khai được thực hiện dưới hình thức niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

3. Việc công khai phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được kiểm tra, giám sát bởi các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, hiệp hội, cá nhân tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát gồm:

a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; thực hiện các quy trình, thủ tục và nội dung hỗ trợ;

b) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ;

c) Việc thực hiện công khai theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện các nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 32. Xử lý vi phạm pháp luật trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Trường hợp vi phạm hoặc lợi dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để trục lợi thì ngoài việc phải hoàn trả mọi chi phí hỗ trợ, doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp không được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi khác của Nhà nước; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm hoặc lợi dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để trục lợi thì các tổ chức, doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ để cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải hoàn trả mọi chi phí hỗ trợ; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bị công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã phê duyệt. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được đề nghị các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hỗ trợ theo quy định của Luật này.

2. Các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

1. Bổ sung điểm o vào sau điểm n khoản 1 Điều 16 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

“o) Đầu tư thành lập cơ sở kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 19 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác phù hợp với định hướng pháp luật trong từng thời kỳ.”

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 36. Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng 6 năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

MỤC LỤC

Chương I.....	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa	2
Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2
Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	3
Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	3
Chương II	4
NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	4
Mục 1	4
HỖ TRỢ CHUNG.....	4
Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng	4
Điều 9. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa	4
Điều 10. Hỗ trợ thuế, kế toán.....	4
Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất	5
Điều 12. Hỗ trợ công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung.....	5
Điều 13. Hỗ trợ mở rộng thị trường.....	5
Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý	6
Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	6
Mục 2	7
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ.....	7
Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh... 7	
Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	8
Điều 18. Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.....	8
Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	9
Điều 20. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	10
Chương III.....	10
TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	10

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ	10
Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	10
Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính	11
Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ	11
Điều 25. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	12
Điều 26. Trách nhiệm của các hiệp hội ngành nghề	13
Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	13
Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa	13
Điều 29. Công khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	13
Điều 30. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	14
Điều 31. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	14
Điều 32. Xử lý vi phạm pháp luật trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	14
Chương IV	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp	15
Điều 34. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư	15
Điều 35. Hiệu lực thi hành	15
Điều 36. Quy định chi tiết	15